

Bản án số: 12/2024/HNGĐ-ST.
Ngày: 14-3-2024.
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Ngọc Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Văn Ninh.
- Bà Trần Ánh Nhạn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Xuân Sơn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Đan Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 461/2023/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 10 năm 2023 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2024/QĐXX-ST ngày 23 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Thôn K, xã A, huyện H, tỉnh Bình Định; vắng mặt, có đơn đề nghị vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Võ Văn K, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Tổ B, ấp P, xã P, huyện G, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị K1 trình bày trong hồ sơ vụ án:

Chị và anh K1 chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn năm 2002, có đăng ký kết hôn tại UBND xã A. Cuộc sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn gay gắt và tự sống ly thân từ tháng 8/2013 đến nay. Nguyên nhân do tính tình vợ chồng không còn hợp nhau, luôn bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Trong thời gian ly thân, chị và anh K1 không ai đặt vấn đề đoàn tụ. Nay chị yêu cầu được ly hôn anh K1.

Về con chung: Vợ chồng có 02 người con chung:

Cháu **Võ Thị Trà M**, sinh ngày 24/02/2001 đã trưởng thành, tự lao động sinh sống được.

Cháu **Võ Nguyễn Hoàng A**, sinh ngày 30/4/2006 do chị đang nuôi dưỡng.

Khi ly hôn, chị yêu cầu tiếp tục nuôi cháu **Hoàng A**, không yêu cầu anh **K1** cấp dưỡng nuôi con.

Cháu **Trà M** đã trưởng thành, tự lao động sinh sống được nên không yêu cầu giải quyết việc nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

*Bị đơn anh **Võ Văn K** không thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị **H**.*

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, chị **H** thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Riêng anh **K** chưa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56, 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xem xét, quyết định:

Về hôn nhân: Chị **Nguyễn Thị H** được ly hôn anh **Võ Văn K**.

Về con chung:

Cháu **Võ Thị Trà M**, sinh ngày 24/02/2001 đã trưởng thành, tự lao động sinh sống được nên không đặt ra giải quyết việc nuôi dưỡng.

Giao chị **H** tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu **Võ Nguyễn Hoàng A**, sinh ngày 30/4/2006.

Ghi nhận chị **H** không yêu cầu anh **K** cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

Chị **H** phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị **Nguyễn Thị H** vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Bị đơn anh **Võ Văn K** đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị **H** và anh **K** chung sống và có đăng ký kết hôn năm 2002 tại Ủy ban nhân dân xã **Â**, huyện **H**, tỉnh **Bình Định**. Do đó, hôn nhân của anh, chị là hợp pháp. Vợ chồng xảy ra mâu thuẫn gay gắt và tự sống ly thân từ tháng 8/2013 đến nay. Nay chị **H** yêu cầu ly hôn anh **K**. Riêng anh **K** đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng anh **K** vẫn không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị **H**, không đến Tòa án để tham gia tố tụng trong vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử vụ án với những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án theo quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Qua lời trình bày của chị **H** thể hiện trong hồ sơ vụ án cho thấy hôn nhân của chị **H** và anh **K** lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu của chị **H** yêu cầu được ly hôn anh **K** theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Xét thấy cháu **C Võ Thị Trà M**, sinh ngày 24/02/2001 đã trưởng thành, tự lao động sinh sống được nên không đặt ra giải quyết việc nuôi dưỡng.

Chị **H** có yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng cháu **Võ Nguyễn Hoàng A**, sinh ngày 30/4/2006 và cháu **Hoàng A** cũng có nguyện vọng theo sống với chị **H**. Vì vậy, giao chị **H** tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu **Võ Nguyễn Hoàng A**, sinh ngày 30/4/2006 là phù hợp. Ghi nhận chị **H** không yêu cầu anh **K** cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với Điều 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị **H** và anh **K** không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[5] Như phân tích trên thì đề nghị của Viện kiểm sát về quan điểm giải quyết vụ án là có cơ sở chấp nhận.

[6] Án phí: Chị **H** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 4 Điều 91, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị H đối với anh Võ Văn K.

Chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Võ Văn K.

2. Về con chung:

Cháu Võ Thị Trà M, sinh ngày 24/02/2001 đã trưởng thành, tự lao động sinh sống được nên không đặt ra giải quyết việc nuôi dưỡng.

Giao chị Nguyễn Thị H tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Võ Nguyễn Hoàng A, sinh ngày 30/4/2006.

Ghi nhận chị H không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con.

Anh K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0026029 ngày 30 tháng 10 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh; chị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Báo cho chị H, anh K biết có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- Chi cục THADS huyện Gò Dầu;
- UBND xã Ân Đức;
- Lưu: Án văn, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Ngọc Dũng

